TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST
Ngày: 23-8-2022.
" V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Triệu Thị Yên.

2. Bà Trần Thị Hường.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bàn Thị Bích Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 08/2022/TLST- DS ngày 27 tháng 01 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2022/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1958 *(Có đơn xin xử vắng mặt).*

Địa chỉ: Tổ dân phố VG, thị trấn VL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Ông Trần Thanh H, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn HC, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, *(vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần 02).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2021, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Đỗ Thị B trình bày:

Do quen biết với ông Trần Thanh H nên ngày 30/9/2019 ông Trần Thanh H đến nhà bà B hỏi vay 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng)*, ông H có viết giấy vay tiền và ký tên trên giấy vay tiền. Do ông H cần tiền nên bà đồng ý tạo điều kiện cho vay, bà cho ông H vay không tính lãi. Khi vay ông H hẹn bà 10 ngày sẽ trả nhưng đến nay ông H chưa trả cho bà. Bà đã nhiều lần đến nhà và gọi

điện yêu cầu ông H có trách nhiệm trả cho bà số tiền vay trên. Hiện nay ông H chưa thanh toán được một phần tiền nào cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông H trả cho bà số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*. Bà không yêu cầu tính lãi đối với ông H.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2022 ông Trần Thanh H trình bày:

Ông có quen biết bà Đỗ Thị B, sinh năm 1958, địa chỉ tại tổ VG, thị trấn VL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, ngày 30/9/2019 ông có viết giấy và vay của bà B với số tiền là 50.000.000 đồng. Giấy vay không ghi thời hạn thanh toán và lãi suất vay, ông xác nhận chữ viết, chữ ký tại giấy vay tiền ngày 30/9/2019 là chữ ký, chữ viết của ông. Bà B đã nhiều lần đến nhà ông yêu cầu trả nợ nhưng do kinh tế khó khăn nên ông chưa trả được số tiền nợ này cho bà B. Nay bà B yêu cầu ông trả số tiền vay là 50.000.000 đồng ông nhất trí trả nợ cho bà B nhưng do ông đang có khó khăn về kinh tế nên mong bà B tạo điều kiện cho ông trả nợ dần số tiền vay trên.

Tòa án đã nhiều lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Tòa án đã thu thập chứng cứ và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị B trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh H trả cho bà số tiền vay là 50.000.000[đ] *(Năm mươi triệu đồng)*, bà không yêu cầu tính lãi suất. Bị đơn ông Trần Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai không có mặt tại Tòa án, không có lý do và không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến gì khác so với nội dung đã trình bày tại biên bản lấy lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, tuy nhiên bị đơn ông Trần Thanh H đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 469, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị B, buộc ông Trần Thanh H có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc là 50.000.000[đ] *(Năm mươi triệu đồng)* cho bà Đỗ Thị B. Bà B không yêu cầu tính lãi.

Về án phí: Ông Trần Thanh H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Bà Đỗ Thị B không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bà Đỗ Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Thanh H trả số tiền nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 30/9/2019. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn ông Trần Thanh H có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn Hùng Cường, xã Hũng Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Kết quả xác minh tại thôn HC, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang cho thấy ông Trần Thanh H vẫn thường xuyên sinh sống, có mặt tại địa phương. Quá trình giải quyết vụ án, ông H đã trình bày ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án và nhận hợp lệ các thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông H cố tình vắng mặt không hợp tác. Bà Đỗ Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không có yêu cầu phản tố, không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét nội dung vụ án*: Xét yêu cầu khởi kiện, phạm vi khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở căn cứ vào bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về khoản tiền vay: Do có mối quan hệ quen biết từ trước, ngày 30/9/2019 bà Đỗ Thị B cho ông Trần Thanh H vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) ông Trần Thanh H có vay tiền và viết, ký vào giấy vay tiền, điều này được bà Đỗ Thị B và ông Trần Thanh H thừa nhận. Kể từ thời điểm đó đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định của Bộ luật dân sự.

Quá trình thực hiện hợp đồng mặc dù giấy vay tiền ngày 30/9/2019 không thể hiện thời hạn thanh toán, phía bà B trình bày đã nhiều lần đến nhà ông H yêu cầu ông H trả cho bà B số tiền vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) nhưng đến nay ông H chưa trả cho bà B được khoản tiền gốc nào. Ông H cũng xác nhận bà B có đến nhà ông đòi số tiền bà cho vay nhưng do đang khó khăn về kinh tế nên ông H chưa trả được số tiền vay của bà B, nay bà B yêu cầu ông H trả toàn bộ số tiền vay 50.000.000 đồng ông H nhất trí, nhưng ông H đề nghị được trả dần số tiền nợ trên cho bà B, tuy nhiên bà B không nhất trí với ý kiến về việc trả nợ dần của ông H, bà B yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà toàn bộ số tiền nợ nêu trên. Do đó, căn cứ các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015,

Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng dân sự về vay tài sản giữa bà Đỗ Thị B và ông Trần Thanh H là có thật và hợp pháp, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị B, buộc ông Trần Thanh H phải có nghĩa vụ trả số tiền vay là 50.000.000 đồng cho bà Đỗ Thị B. Do quá trình thực hiện hợp đồng ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của ông H về việc trả dần số tiền nợ trên.

[2.2] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị B không yêu cầu ông Trần Thanh H phải trả tiền lãi đối với số tiền vay, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: " Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

[3] *Về án phí*: Căn cứ các Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ông Trần Thanh H phải chịu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Đỗ Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 469, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của bà Đỗ Thị B. Buộc ông Trần Thanh H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đỗ Thị B số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

- Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: *Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*.

- Về án phí: Ông Trần Thanh H phải chịu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Đỗ Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang ;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lương Thị Huệ